TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG
Bản án số: 16/2022/DS- ST
Ngày: 20-5-2022.
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Phong –** Thẩm phán.
- Các Hội thẩm nhân dân:
- Bà **Nguyễn Thị Tài.**
- Bà **Phan Thị Nga.**
- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thúy Thành** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hồng**– Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 128/2021/TLST- DS ngày 07 tháng 10 năm 2021 về "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Xuân TH**sinh năm 1960.
Địa chỉ: Thôn 4, xã Đinh Trang Hòa, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.
(Có mặt).
Bị đơn: Ông **Vũ Văn T** (Vũ Xuân Chăm), sinh năm 1969.
Địa chỉ: Thôn 7, xã Lộc An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.
(Có mặt).
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Huỳnh Thị Hồng,** sinh năm 1968.
Địa chỉ: Thôn 7, xã Lộc An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.
(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18-6-2021 cùng những lời trình bày của nguyên đơn thể hiện: Từ năm 2019 cho đến năm 2021 ông Vũ Văn T có vay nợ và mua phân bón, thuốc trừ sâu, cỏ của ông THnhư sau:

Tiền nợ: Trong năm 2019 ông T nợ ông THnhiều khoản tiền, tính đến ngày 17/4/2020 ông T với ông THđối chiếu công nợ thì ông T còn nợ ông TH 801.785.000 đồng, sau khi chốt nợ ông T ký vào giấy chốt nợ và hai bên thỏa thuận

lãi suất 1,8%/tháng, không hẹn thời gian trả nợ nhưng do ông T không trả lãi nên ông THyêu cầu ông T phải trả cho ông THsố tiền nợ gốc là 801.785.000 đồng + lãi phát sinh 1,67%/tháng thời gian tính lãi từ ngày 17/4/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

-Ngày 01/3/2020 ông T tiếp tục vay của ông TH5.000.000 đồng thỏa thuận lãi suất 1,8%/tháng, không hẹn thời gian trả nợ nhưng do ông T không trả lãi nên ông THyêu cầu ông T phải trả cho ông THsố tiền nợ gốc là 5.000.000 đồng + lãi phát sinh 1,67%/tháng thời gian tính lãi từ ngày 01/3/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- Ngày 08/3/2020 ông T tiếp tục vay của ông TH 5.000.000 đồng thỏa thuận lãi suất 1,8%/tháng, không hẹn thời gian trả nợ nhưng do ông T không trả lãi nên ông THyêu cầu ông T phải trả cho ông THsố tiền nợ gốc là 5.000.000 đồng + lãi phát sinh 1,67%/tháng thời gian tính lãi từ ngày 08/3/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- Ngày 31/5/2020 ông T tiếp tục vay của ông TH6.000.000 đồng thỏa thuận lãi suất 1,8%/tháng, không hẹn thời gian trả nợ nhưng do ông T không trả lãi nên ông THyêu cầu ông T phải trả cho ông THsố tiền nợ gốc là 6.000.000 đồng + lãi phát sinh 1,67%/tháng thời gian tính lãi từ ngày 31/5/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- Ngày 03/7/2020 ông T tiếp tục vay của ông TH 3.000.000 đồng thỏa thuận lãi suất 1,8%/tháng, không hẹn thời gian trả nợ nhưng do ông T không trả lãi nên ông THyêu cầu ông T phải trả cho ông THsố tiền nợ gốc là 3.000.000 đồng + lãi phát sinh 1,67%/tháng thời gian tính lãi từ ngày 03/7/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- Ngày 23/7/2020 ông T tiếp tục vay của ông TH5.000.000 đồng thỏa thuận lãi suất 1,8%/tháng, không hẹn thời gian trả nợ nhưng do ông T không trả lãi nên ông THyêu cầu ông T phải trả cho ông THsố tiền nợ gốc là 5.000.000 đồng + lãi phát sinh 1,67%/tháng thời gian tính lãi từ ngày 23/7/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- Ngày 13/9/2020 ông T tiếp tục vay của ông TH 5.000.000 đồng thỏa thuận lãi suất 1,8%/tháng, không hẹn thời gian trả nợ nhưng do ông T không trả lãi nên ông THyêu cầu ông T phải trả cho ông THsố tiền nợ gốc là 5.000.000 đồng + lãi phát sinh 1,67%/tháng thời gian tính lãi từ ngày 13/9/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- Ngày 09/10/2020 ông T tiếp tục vay của ông TH1.000.000 đồng thỏa thuận lãi suất 1,8%/tháng, không hẹn thời gian trả nợ nhưng do ông T không trả lãi nên ông THyêu cầu ông T phải trả cho ông THsố tiền nợ gốc là 1.000.000 đồng + lãi phát sinh 1,67%/tháng thời gian tính lãi từ ngày 09/10/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- Ngày 18/11/2020 ông T tiếp tục vay của ông TH10.000.000 đồng thỏa thuận lãi suất 1,8%/tháng, không hẹn thời gian trả nợ nhưng do ông T không trả lãi nên ông THyêu cầu ông T phải trả cho ông THsố tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng + lãi phát sinh 1,67%/tháng thời gian tính lãi từ ngày 18/11/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- Ngày 13/12/2020 ông T tiếp tục vay của ông TH5.000.000 đồng thỏa thuận lãi suất 1,8%/tháng, không hẹn thời gian trả nợ nhưng do ông T không trả lãi nên ông THyêu cầu ông T phải trả cho ông THsố tiền nợ gốc là 5.000.000 đồng + lãi phát sinh 1,67%/tháng thời gian tính lãi từ ngày 13/12/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- Ngày 07/01/2021 ông T tiếp tục vay của ông TH20.000.000 đồng thỏa thuận lãi suất 1,8%/tháng, không hẹn thời gian trả nợ nhưng do ông T không trả lãi nên ông THyêu cầu ông T phải trả cho ông THsố tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng + lãi phát sinh 1,67%/tháng thời gian tính lãi từ ngày 07/01/2021 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tổng cộng ông THyêu cầu ông T phải trả cho ông THsố tiền nợ thiếu từ năm 2019 cho đến năm 2021 là 866.785.000 đồng + tiền lãi với lãi suất và thời gian nêu trên.

2. Nợ tiền phân bón và thuốc trừ sâu, cỏ là:

-Ngày 20/4/2020 ông THcó bán thiếu phân bón cho ông T với số tiền 2.155.000 đồng, hẹn cuối năm trả nhưng do ông T không trả nêu ông THyêu cầu Tòa án buộc ông T phải trả cho ông THsố tiền 2.155.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

-Ngày 20/5/2020 ông THcó bán thiếu thuốc trừ sâu cho ông T với số tiền 1.190.000 đồng, hẹn cuối năm trả nhưng do ông T không trả nêu ông THyêu cầu Tòa án buộc ông T phải trả cho ông THsố tiền 1.190.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

-Ngày 23/7/2020 ông THcó bán thiếu thuốc trừ cỏ cho ông T với số tiền 550.000 đồng, hẹn cuối năm trả nhưng do ông T không trả nêu ông THyêu cầu Tòa án buộc ông T phải trả cho ông THsố tiền 550.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tổng cộng ông THyêu cầu ông T phải trả cho ông THsố tiền mua phân bón và thuốc trừ sâu, cỏ của năm 2020 với số tiền là 3.895.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi.

Trong số nợ 801.785.000 đồng thì nợ chung của bà H với ông T là 500.000.000 đồng vì vào năm 2019 vợ cH bà H ông T có vay của ngân hàng 500.000.000 đồng nên ông THđưa cho vợ cH bà H ông T 500.000.000 đồng để trả nợ cho ngân hàng nên số tiền này ông THyêu cầu vợ cH ông T bà H liên đới trả cho ông TH500.000.000đ gốc + lãi phát sinh 1,67%/tháng thời gian tính lãi từ ngày 17/4/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Còn lại các khoản nợ khác và tiền mua phân, thuốc trừ sâu, cỏ còn thiếu thì ông THyêu cầu một mình ông T phải trả.

Ý kiến ông Thuần: Ông T thừa nhận các khoản nợ tiền trên như ông THtrình bày là đúng, nay ông THlàm đơn khởi kiện ông T đồng ý trả cho ông THcác khoản nợ trên cùng với khoản lãi theo yêu cầu của ông Thủy. Ông T cho rằng các khoản nợ trên là nợ riêng của ông T không liên quan gì đến bà H vì vợ cH ông đã sống ly thân hơn 10 năm nay.

Khoảng năm 2015 hay 2016 vợ cH ông có vay Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam đóng tại Hòa Ninh, Di Linh 500.000.000 đồng đây là khoản vay riêng của ông T nhưng do sổ đỏ đứng tên hai vợ cH nên ông T yêu

cầu bà H ký vào hồ sơ vay vốn đến khoảng năm 2020 ông THđưa cho ông 500.000.000 đồng để trả nợ cho ngân hàng, do vậy tất cả các khoản vay trên là vay riêng của ông.

Ý kiến bà Hồng: Giữa ông THvà ông T vay mượn tiền bạc như thế nào bà không biết và cũng không liên quan tới bà. Vào năm 2016 đến 2917 vợ cH bà có vay của Ngân hàng đầu tư và PTVN địa chỉ Hòa Ninh, Di Linh, Lâm Đồng số tiền 500.000.000 đồng nhưng toàn bộ số tiền này đều do một mình ông T sử dụng

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên.

Sau khi Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Xuân TH** về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản"* với vợ cH ông **Vũ Văn T** (Vũ Xuân Chăm) và bà **Huỳnh Thị Hồng.**

Buộc vợ cH ông Vũ Văn T (Vũ Xuân Chăm) và bà Huỳnh Thị H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Xuân TH 500.000.000 đồng tiền vay nợ gốc và tiền lãi là 1,67%/tháng thời gian tính lãi từ ngày 17/4/2020 cho đến ngày xét xử

Buộc ông Vũ Văn T (Vũ Xuân Chăm) có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Xuân TH366.785.000 đồng tiền vay nợ gốc và 3.895.000 đồng tiền mua phân bón và thuốc trừ sâu, cỏ.

Đối với tiền vay 366.785.000 đồng ông T phải chịu lãi là 1,67%/tháng thời gian tính lãi tùy từng thời điểm vay cho đến ngày xét xử.

Về án phí : Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Huỳnh Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Hồng.

[2] Theo giấy nhận nợ do ông THcung cấp cho Tòa án được đánh số bút lục 35,36,37 thể hiện ngày 17/4/2020 quyết toán nợ năm 2019 còn lại 801.785.000 đồng, lãi 1,8%/tháng từ ngày 17/4/2020. Ngày 01/3/2020 Chăm vay 1,8%/tháng 5.000.000 đồng. Ngày 08/3/2020 Chăm vay 1,8%/tháng 5.000.000 đồng. Ngày 31/5/2020 Chăm vay 1,8%/tháng 6.000.000 đồng. Ngày 03/7/2020 Chăm vay 1,8%/tháng 3.000.000 đồng. Ngày 23/7/2020 Chăm vay mua cây giống 1,8%/tháng 5.000.000 đồng. Ngày 13/9/2020 Chăm vay 1,8%/tháng 5.000.000 đồng. Ngày 09/10/2020 Chăm vay 1,8%/tháng 1.000.000 đồng. Ngày 18/11/2020 Chăm vay 1,8%/tháng 10.000.000 đồng. Ngày 13/12/2020 Chăm vay trả tiền công vay

1,8%/tháng 5.000.000 đồng. Ngày 07/01/2021 Chăm vay mua máy đào vay 1,8%/tháng 20.000.000 đồng.

Ngày 20/4/2020 Chăm mua phân 2.155.000 đồng. Ngày 20/5/2020 Chăm mua thuốc 1.190.000 đồng. Ngày 23/7/2020 Chăm mua thuốc cỏ 550.000 đồng.

[3] Ông T thừa nhận các khoản nợ trên như ông THtrình bày và đồng ý trả cho ông THsố nợ gốc và lãi như ông THyêu cầu nhưng ông T cho rằng các khoản nợ trên là của riêng ông không liên quan gì tới bà H còn ông THcho rằng trong số nợ 801.785.000 đồng có 500.000.000 đồng là do vợ cH ông T cùng bà H vay nên ông yêu cầu ông Thần và bà H cùng trả số nợ 500.000.000 đồng. Bà H cho rằng việc vay mượn giữa ông THvà ông T như thế nào bà không biết và cũng không liên quan tới bà. Qua xem xét các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và Tòa án thu thập cùng lời trình bày của các đương sự thì thấy rằng toàn bộ số nợ vay và nợ mua bán trên được ông T thừa nhận còn đối với số tiền vay 500.000.000 đồng vào năm 2016 ông T bà H có vay tại BIDV Bảo Lộc – Phòng giao dịch Hòa Trung 500.000.000 đồng và đến năm 2019 ông T bà H đã trả hết khoản nợ trên ông T cũng thừa nhận khoảng năm 2015 hay 2016 vợ cH ông có vay Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam đóng tại Hòa Ninh, Di Linh 500.000.000 đồng đây là khoản vay riêng của ông T nhưng do sổ đỏ đứng tên hai vợ cH nên ông T yêu cầu bà H ký vào hồ sơ vay vốn đến khoảng năm 2020 ông THđưa cho ông 500.000.000 đồng để trả nợ cho ngân hàng, do vậy có cơ sở khẳng định số tiền 500.000.000 đồng là nợ chung của ông T và bà H vì khi vay Ngân hàng cả ông T và bà H đều đứng ra vay sau đó ông THđưa cho ông T 500.000.000 đồng để trả nợ chung của bà H với ông Thuần.

Đối với các khoản mua bán phân, thuốc trừ sâu, cỏ ông T thừa nhận số tiền còn thiếu theo yêu cầu khởi kiện của ông THdo vậy áp dụng các Điều 430, Điều 440, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, cần buộc vợ cH ông T bà H có trách nhiệm trả cho ông THsố tiền vay nợ gốc là 500.000.000 đồng và buộc ông T có trách nhiệm trả cho ông TH370.680.000 đồng, trong đó 366.785.000 đồng tiền vay nợ và 3.895.000 đồng là tiền mua phân bón và thuốc trừ sâu, cỏ.

[4] Về lãi suất áp dụng khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự cần buộc ông T bà H phải chịu lãi xuất như sau: Đối với số tiền vay 801.785.000 đồng trong năm 2019 tính lãi là 801.785.000 đồng x 1,67% x 25 tháng 03 ngày = 336.084.217 đồng(Thời gian tính lãi từ ngày 17/4/2020 đến ngày 20/5/2022), trong đó bà H và ông T vay 500.000.000 đồng nên bà H với ông T phải trả lãi 500.000.000 đồng x 1,67% x 25 tháng 03 ngày = 209.584.999 đồng. ông T vay 301.785.000 đồng nên ông T phải chịu lãi 301.785.000 đồng x 1,67% x 25 tháng 03 ngày = 126.499.217 đồng tiền lãi.

Số tiền vay 5.000.000 đồng ngày 01/3/2020 tính lãi là 5.000.000 đồng x 1,67% x 26 tháng 19 ngày = 2.223.883 đồng (Thời gian tính lãi từ ngày 01/3/2020 đến ngày 20/5/2022).

Số tiền vay 5.000.000 đồng ngày 08/3/2020 tính lãi là 5.000.000 đồng x 1,67% x 26 tháng 12 ngày = 2.204.399 đồng (Thời gian tính lãi từ ngày 08/3/2020 đến ngày 20/5/2022).

Số tiền vay 6.000.000 đồng vay ngày 31/5/2020 tính lãi là 6.000.000 đồng x 1,67% x 23 tháng 20 ngày = 2.371.400 đồng (Thời gian tính lãi từ ngày 31/5/2020 đến ngày 20/5/2022).

Số tiền vay 3.000.000 đồng vay ngày 03/7/2020 tính lãi là 3.000.000 đồng x 1,67% x 22 tháng 17 ngày = 1.130.590 đồng (Thời gian tính lãi từ ngày 03/7/2020 đến ngày 20/5/2022).

Số tiền vay 5.000.000 đồng vay ngày 23/7/2020 tính lãi là 5.000.000 đồng x 1,67% x 21 tháng 27 ngày = 1.828.649 đồng (Thời gian tính lãi từ ngày 23/7/2020 đến ngày 20/5/2022).

Số tiền vay 5.000.000 đồng vay ngày 13/9/2020 tính lãi là 5.000.000 đồng x 1,67% x 20 tháng 07 ngày = 1.689.483 đồng (Thời gian tính lãi từ ngày 13/9/2020 đến ngày 20/5/2022).

Số tiền vay 1.000.000 đồng vay ngày 09/10/2020 tính lãi là 1.000.000 đồng x 1,67% x 19 tháng 11 ngày = 323.423 đồng (Thời gian tính lãi từ ngày 09/10/2020 đến ngày 20/5/2022).

Số tiền vay 10.000.000 đồng vay ngày 18/11/2020 tính lãi là 10.000.000 đồng x 1,67% x 18 tháng 02 ngày = 3.017.133 đồng (Thời gian tính lãi từ ngày 18/11/2020 đến ngày 20/5/2022).

Số tiền vay 5.000.000 đồng vay ngày 13/12/2020 tính lãi là 5.000.000 đồng x 1,67% x 17 tháng 07 ngày = 1.438.983 đồng (Thời gian tính lãi từ ngày 13/12/2020 đến ngày 20/5/2022).

Số tiền vay 20.000.000 đồng vay ngày 07/01/2021 tính lãi là 20.000.000 đồng x 1,67% x 16 tháng 13 ngày = 5.488.733 đồng (Thời gian tính lãi từ ngày 07/01/2021 đến ngày 20/5/2022).

Tổng cộng ông T phải có trách nhiệm trả lãi cho ông TH là 148.215.893 đồng tiền lãi.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do vợ cH ông T bà H phải trả cho ông TH500.000.000đồng tiền vay và 209.584.999 đồng tiền lãi nên vợ cH ông T bà H phải nộp 32.383.399 đồng án phí DSST (20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng).

Ông T phải trả cho ông TH370.680.000 đồng tiền vay, mua bán và 148.215.893 đồng tiền lãi nên ông T phải nộp 24.755.835 đồng án phí DSST (20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430; Điều 440; Điều 463; Điều 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1/ Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Nguyễn Xuân TH** về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản"* với vợ cH ông **Vũ Văn T** (Vũ Xuân Chăm) và bà **Huỳnh Thị Hồng.**

Buộc vợ cH ông Vũ Văn T (Vũ Xuân Chăm) và bà Huỳnh Thị H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Xuân TH 709.584.999 (Bảy trăm lẽ chín triệu năm trăm tám mươi tư ngàn chín trăm chín mươi chín) đồng, trong đó 500.000.000 đồng tiền vay và 209.584.999 đồng tiền lãi.

Buộc ông Vũ Văn T (Vũ Xuân Chăm) có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Xuân TH518.895.893 (Năm trăm mười tám triệu tám trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm chín ba) đồng, trong đó 366.785.000 đồng tiền vay, 3.895.000 đồng là tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu, cỏ và 148.215.893 đồng tiền lãi.

"Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

2/**Về án phí**: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc vợ cH ông Vũ Văn T (Vũ Xuân Chăm) và bà Huỳnh Thị H phải nộp 32.383.399 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Vũ Văn T (Vũ Xuân Chăm) phải nộp 24.755.835 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (Hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

(Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chỉ được quyền kháng cáo phần có liên quan).

"Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và

Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự."

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Phong

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tài **Phan Thị Nga** **Nguyễn Đình Phong**